

Bản án số: 372/2023/HC-PT

Ngày 29 – 5 – 2023

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Long

*Các Thẩm phán:*

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Mai Xuân Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 36/2023/TLPT-HC ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1110/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Từ Hón G, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 41, đường T, khu vực 1, phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Ngọc T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang (có mặt).

**2. Người bị kiện:**

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng N – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hoài H – Chức vụ: Phó Chủ tịch

(có mặt).

Địa chỉ: Số 09, đường 3 tháng 2, xã Đ, thành phố N, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Công ty TNHH Do đặc Bản đồ A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn Lắm – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Đại lộ V, ấp 6, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Từ Hớn G.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:* Ông Từ Hớn G yêu cầu hủy các quyết định sau: (1) Hủy Điều 1 của Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Cơ sở làm việc Công an thị xã Ngã Bảy thuộc Công an tỉnh Hậu Giang; (2) Hủy Điều 1 của Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Cơ sở làm việc Công an thị xã Ngã Bảy thuộc Công an tỉnh Hậu Giang; (3) Hủy Điều 1 của Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang; (4) Hủy Điều 1 của Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Từ Hớn G.

- Yêu cầu được bồi thường về đất đối với đất ở đô thị diện tích 200m<sup>2</sup> vị trí 1 với mức giá 6.000.000 đồng/m<sup>2</sup>; loại đất cây lâu năm tại vị trí 1 diện tích 810,4m<sup>2</sup> với giá 1.674.000 đồng/m<sup>2</sup>, vị trí 2 diện tích 43,5m<sup>2</sup> với giá 1.001.400 đồng/m<sup>2</sup>.

- Yêu cầu bồi thường tài sản gắn liền với đất gồm:

Cây lâu năm giá 7.140.000 đồng.

Vật kiến trúc trên đất (nhà, công trình) với giá 1.225.224.866 đồng.

Bồi thường chi phí vật tư, trang thiết bị đầu tư trên đất gồm tiền san lấp mặt bằng là 633.000.000 đồng, công tơ điện là 5.503.000 đồng; đồng hồ nước là 2.201.000 đồng, hệ thống Camera an ninh là 29.410.000 đồng.

- Bồi thường do vi phạm hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất là 50.000.000 đồng.

- Bồi thường do chậm thanh toán, tổn thất tinh thần bằng  $0,03\% \times$  số ngày chậm trả (từ ngày 30/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm) = 5.572.779.866 đồng.

Tại phiên đối thoại ngày 27/6/2022, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Điều 1 của Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N: Do phần đất, vị trí đất áp giá bồi thường đối với phần đất diện tích 200m<sup>2</sup>, mà chỉ có 01m<sup>2</sup> áp giá đất ở tại vị trí 1 và diện tích 199m<sup>2</sup> áp giá bồi thường giá đất ở tại vị trí 2 là chưa đúng, đề nghị được bồi thường phần đất diện tích 199m<sup>2</sup> là đất ở vị trí 1 mới đúng. Bồi thường vật kiến trúc chưa đầy đủ như: Đồng hồ điện, nước, camera; hủy Điều 1 của Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N là quyết định điều chỉnh kinh phí bồi thường: UBND thành phố N chưa bồi thường đầy đủ như các quyết định trên, ông G đang khiếu nại Quyết định số 562 thì ông G lại nhận được quyết định số 1246, theo đó giảm số tiền bồi thường xuống gần 900 triệu đồng; Hủy Điều 1 của Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 09/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N đây là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu nhưng lại giữ nguyên Quyết định số 562 và Quyết định số 1246; Yêu cầu được bồi thường về đất đối với đất ở đô thị diện tích 200m<sup>2</sup> với mức giá 6.000.000 đồng/m<sup>2</sup>. Căn cứ vào thông báo lệ phí trước bạ của ông G đóng và căn cứ Quyết định số 1351 ngày 24/7/2020 của UBND tỉnh Hậu Giang có khung giá đất áp giá bồi thường thì toàn phần đất diện tích 200m<sup>2</sup> này là đất ở tại vị trí 1 chứ không phải đất ở tại vị trí 2. Căn cứ theo Phiếu nộp thuế trước bạ này, đất ở vị trí 1, nộp thuế ở vị trí 1 thì phải được bồi thường tại vị trí 1, như vậy mới phù hợp với quy định của pháp luật; Phần đất diện tích 810,4m<sup>2</sup> bồi thường tại vị trí 3 là chưa phù hợp, vì phần đất chỉ có 40m thâm hậu, nên phần đất trước đã ở vị trí 1 thì phần đất này không thể là ở vị trí 3, chỉ có vị trí 1 và 2. Đồng thời, phần đất này nằm trong hành lang lộ giới, nên phần đất này phải được bồi thường loại đất cây lâu năm tại vị trí 1 với giá 1.674.000 đồng/m<sup>2</sup>; phần đất diện tích 43,5m<sup>2</sup> phải được bồi thường giá đất cây lâu năm tại vị trí 2 với giá 1.001.400 đồng/m<sup>2</sup>; Yêu cầu vật kiến trúc trên đất (nhà, công trình) với giá 1.225.224.866 đồng; Bồi thường thiếu căn nhà tạm của ông G, có thể hiện trong biên bản kiểm kê nhưng lại không được bồi thường. Đối với căn nhà này khi xin giấy phép xây dựng 200m<sup>2</sup>, nhưng ông G xây dựng nhà chính ở phía sau ngang 4m, dài 12m trước, sau đó mấy tháng ông G mới xây dựng căn nhà tiền chế thì địa phương lại lập biên bản với ông G, như vậy là không đúng, phần đất này ông G đã xin giấy phép xây dựng; Yêu cầu bồi thường chi phí vật tư, trang thiết bị đầu tư trên đất gồm tiền san lấp mặt bằng là 633.000.000 đồng; Công tơ điện là 5.503.000 đồng; đồng hồ nước là 2.200.000 đồng, hệ thống Camera an ninh là 29.410.000 đồng, đều không thể hiện trong biên bản kiểm kê.

Đối với yêu cầu hủy Điều 1 của Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N; Yêu cầu bồi thường tài sản gắn liền với đất là cây lâu năm với giá 7.140.000 đồng; Bồi thường do vi phạm hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất là 50.000.000 đồng; Bồi thường do chậm thanh toán, tổn thất tinh thần bằng  $0,03\% \times$  số ngày chậm trả (từ ngày

30/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm) = 5.572.779.866 đồng. Ông G rút lại yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu này.

*2/ Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N là ông Diệp Minh Tuấn trình bày:*

Đối với Dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã Ngã Bảy (nay là thành phố N) thuộc Công an tỉnh Hậu Giang Bộ Công an phê duyệt chủ trương. Qua rà soát, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Từ Hón G được thực hiện đầy đủ đúng chủ trương, chính sách và đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về bồi thường đất:

Phần diện tích đất ở vị trí 2 đường 3 thág 2 từ đường Hùng Vương (phường Ngã Bảy) đến đường Hùng Vương (phường H), diện tích 199m<sup>2</sup> (có vị trí ngoài thâm hậu 20m theo bảng thống kê diện tích đất tính theo vị trí thâm hậu ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Công ty TNHH đo đạc bản đồ A) được bồi thường 3.600.000đ/m<sup>2</sup> là đúng theo quy định tại Điều 1, Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cơ sở làm việc Công an thị xã Ngã Bảy (nay là thành phố N) thuộc Công an tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ theo bảng thống kê diện tích đất tính theo vị trí thâm hậu ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Công ty TNHH đo đạc bản đồ A cung cấp, Điều 3 Quyết định số 27 ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Hậu Giang, phần diện tích đất 1m<sup>2</sup> thuộc vị trí 1 đường 3 thág 2 từ đường Hùng Vương (phường Ngã Bảy) đến đường Hùng Vương (phường H). Còn phần đất diện tích 199m<sup>2</sup> của ông G là đất ở nằm tại vị trí 2. Phòng tài nguyên và Môi trường đã có làm việc với cơ quan thuế, xác định là việc ông G nộp thuế xác định vị trí 1 là chưa đúng. Do đó, việc áp giá bồi thường đất ở diện tích 199m<sup>2</sup> tại vị trí 2 cho ông G là đúng quy định.

- Về bồi thường công trình:

+ Về bồi thường căn nhà tạm: Phần nhà có kết cấu loại trệt, khung thép tiền chế, vách tường + tole, nền bê tông đá 1x2, diện tích 277,06m<sup>2</sup> được hộ ông G xây dựng năm 2019, trên đất nông nghiệp, được hỗ trợ bằng 38,5% đơn giá 3.578.000đ/m<sup>2</sup> (có điều chỉnh kết cấu vách, kết cấu khung) là đúng theo Điều 14, Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên bản tỉnh Hậu Giang. Ông G không được bồi thường do ông G bị lập biên bản vi phạm hành chính do xây dựng trái phép.

- Do đó, việc ông G yêu cầu nhà loại trệt, khung thép tiền chế, vách tường + tole, nền bê tông đá 1x2, diện tích 277,06m<sup>2</sup> bồi thường bằng 77% đơn giá 3.578.000đ/m<sup>2</sup> là không có cơ sở xem xét.

+ Phần sân phơi lát đá xô bồ được hộ ông G xây dựng năm 2019, trên đất nông nghiệp, diện tích 599m<sup>2</sup> được hỗ trợ bằng 50% đơn giá 44.000đ/m<sup>2</sup> là đúng

theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 14, Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên bàn tỉnh Hậu Giang và mục IV, phụ lục II, Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc quy định đơn giá nhà, công trình xây dựng để tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Đồng thời căn cứ vào Công văn trả lời số 1798 của UBND tỉnh Hậu Giang về vấn đề này. Do đó, việc ông G yêu cầu sân phơi lát đá xô bồ, diện tích 599m<sup>2</sup> bồi thường giá 800.000đ/m<sup>2</sup> là không có cơ sở xem xét.

- Đồng hồ điện và đồng hồ nước nằm ngoài ranh giải phóng mặt bằng nên không bồi thường cho ông G. Đối với camera của ông G thì nằm trong ranh giải phóng mặt bằng nhưng khi khảo sát thì hiện trạng chỉ còn 02 con mắt camera nhưng lại không còn hoạt động nên không đủ căn cứ bồi thường.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Từ Hón G là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

*3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Do đặc Bản đồ A có Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn L trình bày: Đối chiếu với quy định hiện hành theo quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Hậu Giang thì đơn vị đo đạc đã cất vị trí 1 đúng quy định.*

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện, về yêu cầu hủy Điều 1 Quyết định thu hồi đất, rút phần yêu cầu bồi thường thiếu 17m<sup>2</sup> và rút phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần, đồng ý với chủ trương thu hồi đất, đồng ý cho Ủy ban thu hồi trước hạn, đối với hệ thống camera là do ông Từ Hón G tự tháo dỡ, còn giữ lại các yêu cầu cụ thể: Yêu cầu hủy toàn bộ các quyết định gồm Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Cơ sở làm việc Công an thị xã Ngã Bảy thuộc Công an tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Từ Hón G.

1. Xác định vị trí 199m<sup>2</sup> đất ODT là vị trí 1 căn cứ biên lai nộp thuế khi nhận chuyển nhượng, nâng các vị trí còn lại của đất CLN từ vị trí 2 lên vị trí 1.

2. Bồi thường toàn bộ công trình xây dựng trên đất với mức giá 100% do biên bản kiểm công trình vi phạm của ông Từ Hón G không đúng mẫu, không có xác nhận của chính quyền địa phương và không thể hiện vi phạm tại địa chỉ nào.

3. Bồi thường công trình trên đất gồm cát lan sấp mặt bằng toàn bộ diện tích đất, đồng hồ điện nước nằm ngoài cột điện nhà nước nhưng phần đất ông G bị thu hồi toàn bộ không tháo dỡ di dời đi được có hóa đơn, chứng từ lúc mua.

4. Bồi thường tiền thuê đất do ông G vi phạm hợp đồng với ông Thạch Sơn Kha. Ngoài ra các biên bản đối thoại giữa Ủy ban với ông Từ Hớn G thành phần dự họp ký tên không đầy đủ, giấy mời giải quyết khiếu nại toàn là Ủy ban nhân dân phường Ngã Bảy mời là không đúng thẩm quyền.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, quyết định:*

*Căn cứ vào:* Các Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1, 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính 2015.

Điều 62, Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 69 của Luật đất đai năm 2013;

Khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật khiếu nại năm 2011;

Điều 29 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2015;

Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2017 của Chính phủ;

Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu hủy Điều 1 của Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố N về thu hồi đất của ông Từ Hớn G; yêu cầu Bồi thường tổn thất tinh thần, yêu cầu bồi thường diện tích đất thiếu 17,2m<sup>2</sup>.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Từ Hớn G về việc yêu cầu Tòa án hủy Điều 1 Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Cơ sở làm việc Công an thị xã Ngã Bảy thuộc Công an tỉnh Hậu Giang; Hủy Điều 1 của Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang; Hủy Điều 1 của Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Từ Hớn G. Yêu cầu xác định 199m<sup>2</sup> đất ODT lên vị trí 1, đất CLN nâng lên vị trí 1 và 2; yêu cầu bồi thường tài sản gắn liền với đất gồm: nhà, cát san lấp mặt bằng, đồng hồ điện, nước hệ thống camera với tổng số tiền là 1.902.478.866 đồng và bồi thường 50 triệu đồng do vi phạm hợp đồng thuê đất.

*Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.*

Ngày 5/10/2022, ông Từ Hón G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Từ Hón G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:*

Người khởi kiện bị thu hồi diện tích hơn 1.000m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ODT) nhưng Ủy ban chỉ bồi thường cho người khởi kiện 01m<sup>2</sup> đất ODT (vị trí 1) là không đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng như phiếu xác nhận số 275, 276 ngày 04/8/2020. Ngoài ra, biên bản lập ngày 12/4/2019, là biên bản kiểm tra trật tự xây dựng, ông G không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng. Vì vậy, đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy các quyết định bị khởi kiện và yêu cầu bồi thường 200m<sup>2</sup> đất ODT (vị trí 1); bồi thường tiền san lấp mặt bằng, các công trình phụ như điện, nước, camera an ninh và bồi thường 50 triệu đồng do vi phạm hợp đồng thuê đất.

*Người đại diện theo ủy quyền của chủ tịch UBND thành phố N, ông Võ Hoài H trình bày:*

Việc xác định vị trí đất ODT và CLN là cơ sở bồi thường cho ông Từ Hón G được UBND thành phố N thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Hậu Giang. Việc UBND thành phố N không hỗ trợ diện tích nhà đã không thực hiện theo đúng giấy phép xây dựng và hành vi san lấp cát là hành vi hủy hoại đất. Tòa sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì thế đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Từ Hón G.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự đảm bảo quy định pháp luật về nội dung và thời hạn kháng cáo.

- Về quan điểm giải quyết đối với đơn kháng cáo: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Từ Hón G là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đơn kháng cáo của ông Từ Hớn G đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[1] Về tố tụng:

Ông Từ Hớn G khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định sau: (1) Hủy Điều 1 của Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Cơ sở làm việc Công an thị xã Ngã Bảy thuộc Công an tỉnh Hậu Giang; (2) Hủy Điều 1 của Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang; (3) Hủy Điều 1 của Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Từ Hớn G.

Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Từ Hớn G, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xét tính hợp pháp của các Quyết định bị khởi kiện:

[2.1.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định.

Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Cơ sở làm việc Công an thị xã Ngã Bảy thuộc Công an tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 do UBND tỉnh Hậu Giang ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định khoản 2 Điều 66, 67 và điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật đất đai năm 2013.

Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Từ Hớn G đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18, Điều 31 của Luật khiếu nại năm 2011; Điều 29 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2015.

[2.1.2] Về hình thức các quyết định:

Căn cứ vào Điều 28 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Thông tư số 30 ngày 02/6/2014 của Bộ tài nguyên và môi

trường thì Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Cơ sở làm việc Công an thị xã Ngã Bảy thuộc Công an tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 là đúng hình thức.

Căn cứ vào Điều 31 của Luật khiếu nại năm 2011 và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Từ Hớn G là đúng hình thức.

[2.2] Về nội dung quyết định:

[2.2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Từ Hớn G về việc xác định vị trí đất ODT diện tích 199m<sup>2</sup> từ vị trí 2 lên vị trí 1 và đất CLN nâng lên vị trí 1 và vị trí 2.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Từ Hớn G bị thu hồi toàn bộ diện tích 1.036,7m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ODT và 836,7m<sup>2</sup> đất CLN), gồm các thửa 228 (1198), 287 (1285) và thửa 113 (1199) thuộc khu vực VII, phường Ngã Bảy, thành phố N, tỉnh Hậu Giang để xây dựng: Cơ sở làm việc Công an thị xã Ngã Bảy (Nay là Thành phố N).

Diện tích đất nêu trên có nguồn gốc vào năm 2019 ông Từ Hớn G nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Quang Vinh và bà Lê Thị Ngọc Hân. Trước đó ông Vinh, bà Hân nhận chuyển từ của ông Nguyễn Thanh H.

Quá trình kiểm kê đất UBND thành phố N xác định đất ODT của ông Từ Hớn G chỉ có 1m<sup>2</sup> là vị trí 1 và 199m<sup>2</sup> thuộc vị trí 2. Cơ sở để UBND thành phố N xác định vị trí nêu trên là căn cứ vào Điều 3 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Hậu Giang cụ thể “*Thửa đất nằm vị trí mặt tiền các tuyến đường bộ... áp dụng cho toàn bộ diện tích đất nằm trong thâm hậu 20m đối với đô thị và 30m đối với đất nông thôn*”, tương tự để được áp dụng cho phần đất CLN.

Tuy nhiên, căn cứ vào Thông báo nộp lệ phí trước bạ khi ông Nguyễn Thanh H xin chuyển mục đích sử dụng đất (bút lục 08) vào năm 2008 thì ông Hùng phải thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Loại đất ODT với vị trí 01. Theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 50/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh Hậu Giang quy định về giá đất phi nông nghiệp tại phường, thị trấn. Trong đó Khoản 1 Điều 5 quy định về phân loại đường phố, vị trí được xác định như sau:

*“Mỗi đường ở phường, thị trấn có cùng kết cấu hạ tầng được phân thành một loại đường phố suốt cho cả con đường, nhưng tùy theo mức sinh lợi từng đoạn đường của loại đường đó mà có mức giá khác nhau do giá thực tế trên thị trường khác nhau. Mỗi loại đường chia ra làm 5 vị trí (nếu có):*

*- Vị trí 1: áp dụng đối với đất liền cạnh đường phố (mặt tiền), giá đất bằng 100% giá đất đoạn đường đó”.*

Như vậy tại thời điểm ông Nguyễn Thanh H xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì thửa đất 1285 tờ bản đồ số 13 thuộc khu vực VII, phường Ngã Bảy, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang diện tích 200m<sup>2</sup> loại đất ở đô thị có mặt liền cạnh với đường 3 tháng 2, vì thế không phụ thuộc vào số tiền đóng thuế mà cán bộ thuế áp giá tính sai tiền sử dụng đất (như nội dung công văn số 122 của cơ quan thuế thành phố N cho rằng diện tích đất của ông Nguyễn Thanh H nằm ngoài 05 vị trí). Đồng thời vào thời điểm ông Nguyễn Thanh H thực hiện nghĩa vụ thuế thì hành lang đường bộ đường 3 tháng 2 là 36m còn tại thời điểm UBND Thành phố N thu hồi đất thì hành lang đường 3 tháng 2 là 25m. Do đó việc tính thâm hậu để xác định vị trí đất cần căn cứ vào thời điểm ông Nguyễn Thanh H được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 26/12/2008 để tính vị trí và thâm hậu hằm hằm theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh Hậu Giang:

**“Điều 6. Một số quy định khi áp dụng giá đất:**

**1. Thâm hậu của thửa đất ở:**

*- Thửa đất ở để tính thâm hậu được xác định từ chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được duyệt. Trường hợp chưa quy hoạch lộ giới, căn cứ vào cọc giải phóng mặt bằng của từng dự án xây dựng nâng cấp mở rộng đường hoặc từ chân taluy đường (nếu không có chân taluy đường, tính từ chân đường). Thâm hậu của thửa đất ở được tính 20 mét đầu đối với đất tại phường, thị trấn và 30 mét đầu đối với đất tại xã”.*

Do đó Tòa án sơ thẩm căn cứ công văn số 122 (bút lục 38) cơ quan thuế xác nhận ghi nhầm thửa đất tại vị trí 1 đối với hồ sơ nộp thuế 200m<sup>2</sup> đất của ông Nguyễn Thanh H, nên không chấp nhận yêu cầu xác định vị trí 199m<sup>2</sup> đất ODT và đất trồng CLN từ vị trí 2 lên vị trí 1 của ông Từ Hón G là không đúng quy định.

[2.2.2] đối với yêu cầu bồi thường phần công trình phụ gắn liền với căn nhà của ông G xây dựng từ năm 2019.

Ngày 27/3/2019 ông Từ Hón G có xin giấy phép xây dựng căn nhà tại địa chỉ khu vực VII, phường Ngã Bảy, thành phố N, tỉnh Hậu Giang trên diện tích 200m<sup>2</sup>. Quá trình xây dựng ngày 12/4/2019 UBND phường Ngã Bảy lập biên bản kiểm tra trật tự xây dựng hộ ông G tại địa chỉ trên ghi nhận “Chủ hộ xây dựng không đúng giấy phép đã được cấp, đoàn yêu cầu chủ hộ phải xây dựng đúng theo giấy phép đã được cấp” biên bản này được ông Từ Hón G ký xác nhận.

Người khởi kiện cho rằng biên bản kiểm tra không có giá trị pháp lý, lập không đúng thẩm quyền.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 89, khoản 4 Điều 12 Luật xây dựng năm 2014, khoản 2 Điều 92 Luật đất đai 2013, khoản 2 Điều 69 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính Phủ quy định “Công

chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân các cấp được giao nhiệm vụ kiểm tra, phát hiện vi phạm hành chính trong những lĩnh vực quy định tại Nghị định này” do đó biên bản được lập là đúng thẩm quyền. Tuy nhiên sau đó ông Từ Hón G không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng. UBND thành phố N cho rằng đây là biên bản ngăn chặn, do lập không đúng mẫu, nên không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và do có sự tắc trách của chính quyền địa phương. Việc Ủy ban đã phát hiện vi phạm của ông Từ Hón G trong xây dựng, ông G không khắc phục vẫn tiếp tục xây dựng phần công trình trên đất không đủ điều kiện và không được cấp phép, nên UBND thành phố N không đồng ý bồi thường phần căn nhà xây dựng trên phần đất không phép là 568m<sup>2</sup>.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Điều 119 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về “Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính: “*Trong trường hợp cần ngăn chặn kịp thời vi phạm hành chính hoặc để bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền có thể áp dụng các biện pháp sau đây theo thủ tục hành chính..*” có quy định về 09 trường hợp. Đối chiếu với các trường hợp được quy định tại Điều 119 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì Biên bản lập ngày 12/4/2019 không phải là biện pháp ngăn chặn và cho đến thời điểm có quyết định thu hồi đất ông Từ Hón G cũng không bị xử lý vi phạm nên không coi là vi phạm trong lĩnh vực xây dựng. Do đó UBND thành phố N chỉ phê duyệt bồi thường phần xây dựng có phép là không đúng quy định.

[2.2.3] Đối với yêu cầu bồi thường toàn bộ cát san lấp mặt bằng, đồng hồ điện, nước và hệ thống camera.

[2.2.3.1] Đối với yêu cầu hỗ trợ tiền san lấp mặt bằng:

Ông Từ Hón G yêu cầu hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng diện tích 1.053,9m<sup>2</sup> với khối lượng 2.800m<sup>3</sup> cát và 290m<sup>3</sup> đá (theo ông G là để xây dựng nhà, công trình, phần đá làm sân phơi). Tòa sơ thẩm nhận định hành vi san lấp nêu trên là hành vi hủy hoại đất nên UBND thành phố N không hỗ trợ phần cát san lấp mặt bằng cho ông G trên phần đất nông nghiệp là đúng quy định.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ khoản 25 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định “*Hủy hoại đất là hành vi làm biến dạng địa hình, làm suy giảm chất lượng đất, gây ô nhiễm đất, làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định*”. Mặc dù hành vi hủy hoại đất là hành vi nghiêm cấm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật đất đai năm 2013. Tuy nhiên vào thời điểm ông Từ Hón G san lấp thì chưa có quy định cụ thể hành vi nào là hành vi hủy hoại đất. Hành vi hủy hoại chỉ được quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Cụ thể “*Hủy hoại đất là hành vi làm biến dạng địa hình hoặc làm suy giảm chất lượng đất hoặc gây ô nhiễm đất mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định, trong đó:*” trong đó hành vi san lấp được coi là hành vi “*Làm suy giảm chất lượng đất trong các trường hợp: làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác; làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải*

hoặc đất lầy sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng; gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp;”. Tuy nhiên Nghị định 91/2019/NĐ-CP có hiệu lực vào ngày 05/01/2020, do đó trước thời điểm Nghị định 91/2019/NĐ-CP có hiệu lực thì hành vi hủy hoại đất không bị xử lý hành chính vì Nghị định 102/2014/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai không có quy định. Như vậy căn cứ vào điểm d Khoản 1 Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính thì “*Chỉ xử phạt vi phạm hành chính khi có hành vi vi phạm hành chính do pháp luật quy định*” và Nghị định 91/2019/NĐ-CP không có quy định hiệu lực trở về trước. Do đó hành vi san lấp mặt bằng trên diện tích 1.053,9m<sup>2</sup> không bị coi là hành vi hủy hoại đất, đủ điều kiện để được hỗ trợ bồi thường như Công văn số 1798/UBND-NC của UBND tỉnh Hậu Giang v/v hỗ trợ san lấp cát cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án và nội dung kết quả buổi đối thoại ngày 21/10/2021 mới đúng quy định.

[2.2.3.2] Đối với yêu cầu hỗ trợ đồng hồ điện, nước và hệ thống camera.

Đối với hệ thống camera, tại tòa ông Từ Hớn G thừa nhận đã tự tháo dỡ, nên không còn hiện trạng và hệ thống đồng hồ, điện nước không thể hiện trong biên bản kiểm kê và nằm ngoài phần đất bị ảnh hưởng, nên UBND thành phố N không áp giá bồi thường và không được Tòa sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Với những nhận định nêu trên thì đơn kháng cáo của ông Từ Hớn G được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[3] Các phần khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí được tính lại cho phù hợp.

Người bị kiện phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Từ Hớn G;

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

*Căn cứ vào:* Các Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1, 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tố tụng hành chính 2015.

Điều 62, Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 69 của Luật đất đai năm 2013;

Khoản 1 Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật khiếu nại năm 2011;

Điều 29 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2015;

Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2017 của Chính phủ;

Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

[1.1] Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu hủy Điều 1 của Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố N về thu hồi đất của ông Từ Hón G; yêu cầu Bồi thường tổn thất tinh thần, yêu cầu bồi thường diện tích đất thiếu 17,2m<sup>2</sup>.

[1.2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Từ Hón G:

Hủy Điều 1 Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Cơ sở làm việc Công an thị xã Ngã Bảy thuộc Công an tỉnh Hậu Giang; Hủy Điều 1 của Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang; Hủy Điều 1 của Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Từ Hón G.

Buộc UBND thành phố N thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về đất đai về bồi thường trong thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Từ Hón G.

[1.3] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Từ Hón G yêu cầu bồi thường đồng hồ điện, nước, hệ thống camera và bồi thường 50 triệu đồng do vi phạm hợp đồng thuê đất.

[2] Các phần khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí:

Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Từ Hón G không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Từ Hón G 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000215 ngày 18/5/2022 tại Cục thi hành án

dân sự tỉnh Hậu Giang và 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000174 ngày 5/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Người khởi kiện (1);
- Người bị kiện (2);
- NLQ (1)
- Lưu VT (6), HS (2) T.17 (BA 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Long**